

DANH SÁCH

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI, NGHỈ THÔI VIỆC DO SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, ĐƠN VỊ HÀNH
VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỢT 2 NĂM 2025

Nghỉ từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày / /2025 của UBND huyện Minh Long)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ và đơn vị công tác	Tuổi hiện nay		Tuổi nghỉ hưu theo lộ trình		Ngày nghỉ hưu (Theo Nghị định 35 được nghỉ ngày 01 của tháng	Thời điểm nghỉ			Nghỉ hưu trước tuổi			Số năm đóng BHXH bắt buộc		Tiền trợ cấp										Tổng số tiền được trợ cấp	
				Năm	Tháng	Năm	Tháng		Năm	Tháng	Tổng tháng	Năm	Tháng	Tổng tháng	Năm	Tháng	Tiền lương hiện hưởng	Trợ cấp 1 lần		Trợ cấp cho số năm nghỉ hưu sớm			Trợ cấp từ năm thứ 21					
																		Số tháng	Thành tiền	Số năm	Số tháng	Thành tiền	20 năm đầu	Năm thứ 21	Tháng lẻ	Tổng số tháng được hưởng		Số tiền
A				1	3			4	5		6		7	10		11										16	17	p
1	Cán bộ, công chức																											
1	Đinh Thị Mai Sinh	07/4/1969	Chủ tịch HĐND huyện	56	0	56	8	01/01/2026	56	2	674		6	6	30	11	18.895.500	6	113.373.000									113.373.000
2	Nguyễn Văn Bảy	10/02/1966	Phó Chủ tịch UBND huyện	59	2	62	0	01/03/2028	59	4	712	2	5	32	39	10	20.254.455	29	587.379.195	2	5	303.816.825	5	10		15	303.816.825	1.195.012.845
3	Ngô Thị Thúy Hòa	25/3/1974	Phó Chủ tịch HĐND huyện	51	1	59	4	01/7/2025	51	3	615	8	1	97	31	11	16.321.500	60	881.361.000	8	1	554.931.000	5	6		11	179.536.500	1.615.828.500
Tổng cộng																	55.471.455		1.582.113.195			858.747.825				483353325	2.924.214.345	

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH LONG

BẢNG LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN PHỤ CẤP LƯƠNG ĐỂ TÍNH NGH

TT	HỌ VÀ TÊN	Mã ngạch	Hệ số lương	Mức lương cơ bản	PC CV	PC vượt khung
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	
1	Đinh Thị Mai Sinh 07/4/1969	01.002	5,76	13.478.400	1.638.000	
2	Nguyễn Văn Bảy 10/02/1966	01.003	4,98	11.653.200	1.404.000	3.146.364
3	Ngô Thị Thúy Hòa 25/3/1974	01.003	4,98	11.653.200	1.404.000	
	Tổng cộng :			36.784.800	4.446.000	3.146.364

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỈ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 178/NĐ-CP NGÀY 31/12/2024

PC Công vụ 25%	Công tác Đảng 30%	Tổng cộng	Thực nhận	Ký nhận
9		10	12	13
3.779.100		18.895.500	18.895.500	
4.050.891		20.254.455	20.254.455	
3.264.300		16.321.500	16.321.500	
11.094.291		55.471.455	55.471.455	

621.251

17.108

#REF!

#REF!